

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/09/2025
V/v: ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- **Thư ký phiên tòa:** Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường S, tỉnh Bắc Ninh; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Chị và anh L đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 8 năm 2023 trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng về tại gia đình anh L sinh sống và làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến tháng 1 năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân xảy ra

mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2025 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên chị đề nghị ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 16/9/2024 hiện đang ở với chị, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung; công nợ; công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:** Anh và chị N đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 8 năm 2023, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến tháng 3 năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 16/9/2024, hiện đang ở với chị N, sau khi ly hôn anh đồng ý để chị N nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung; công nợ; công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: Vợ chồng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 16/9/2024, cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con là là 1.000.000đ/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kim N làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị N, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị N, anh L.

[1.3] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh L kết hôn ngày 16/8/2023 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh) và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định hôn nhân giữa chị N, anh L là hợp pháp.

Căn cứ xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của nguyên đơn Quá trình chung sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn và

hạnh phúc nhưng một thời gian sau hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Chị N, anh L ly thân từ tháng 4/2025. Đến nay chị N anh L cùng xác định tình cảm không còn mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị N được ly hôn anh L là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị N, Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 16/9/2024, hiện đang ở với chị N, sau khi ly hôn anh L, chị N thống nhất giao cháu Thiên Đ cho chị N nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Thiên Đ hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ mặt khác chị N anh L cùng thống nhất giao cho chị N nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Thiên Đ cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N, anh L thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; do vậy cần buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình

[4] Về tài sản chung, công nợ; công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: chị N, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 16/9/2024, cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con là là 1.000.000đ/tháng, hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002953, ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2). Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung;

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Vân Hà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

